

**PHỤ LỤC 8: DANH SÁCH 250 KHÁCH HÀNG ĐÃ CHUYỂN ĐỔI SANG SỞ HỮU CỔ PHẦN;
KHÔNG YÊU CẦU BỒI THƯỜNG VÀ KHÔNG THAM GIA TỐ TỤNG**

(Kèm theo Bản án số: 477/2025/HS- ST, ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Thành tiền
1	Lương Thị Bích	Đội 1, Thắng Đầu, Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	4.338	43.380.000
2	Vũ Ngọc Cảnh	Tổ 31, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	10.300	103.000.000
3	Vũ Ngọc Cảnh	Tổ 31, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	11.485	114.850.000
4	Đỗ Văn Cương	Phú Thái, Kim Thành, Hải Dương	8.200	82.000.000
5	Nguyễn Thị Huệ	TT Trường CDLDXH, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	3.753	37.530.000
6	Phạm Đức An	4 Hàng Vải, Hàng Bồ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	19.563	195.630.000
7	Trần Đăng An	92 Ngõ Tất Tố, Lộc Hạ, Nam Định	57.231	572.310.000
8	Nguyễn Hồng Anh	Hoa Lư, Ninh Bình	20.286	202.860.000
9	Nguyễn Hoàng Anh	Phong Điền, TP. Cần Thơ	2.793	27.930.000
10	Nguyễn Thị Quế Anh	Thốt Nốt, TP.Cần Thơ	760	7.600.000
11	Nguyễn Thị Anh	Hà Nội	7.998	79.980.000
12	Nguyễn Hoài Bắc	P903-CT6 Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	12.905	129.050.000
13	Mai Trọng Bào	Năm Căn, Cà Mau	656	6.560.000
14	Lý Thị Bày	TT Đồng Đăng, Cao Lộc, Lạng Sơn	16.400	164.000.000
15	Bùi Thị Bé	TT Hưng Hà, Hưng Hà, Thái Bình	12.180	121.800.000
16	Đặng Thị Cấn	Ngõ 67 đường Trần Hưng Đạo, P.Đông Thành, Tp.NB	1.300	13.000.000
17	Phan Ý Cao	15 Thép mới, P12, Q. Tân Bình TP.HCM	18.160	181.600.000
18	Nguyễn Thị Chi	485 Võ Thị Sáu, Long Xuyên, An Giang	11.065	110.650.000
19	Lương Đình Chiến	194 Trần Văn Dư, P13 Tân Bình, TP HCM	3.453	34.530.000
20	Vũ Thị Chiến	Đức Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	16.400	164.000.000
21	Nguyễn Thị Chín	TT Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	8.800	88.000.000

22	Nguyễn Đức Chính	Số 63 tổ 16 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	2.150	21.500.000
23	Đỗ Công Chinh	An Bình, Kiến Xương, Thái Bình	14.244	142.440.000
24	Nguyễn Văn Cứ	Phong Khê, Bắc Ninh	8.200	82.000.000
25	Lê Thị Cúc	Khu 2, Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	500	5.000.000
26	Đặng Minh Cường	14 tổ 1 Phương Liên, Hà Nội	14.375	143.750.000
27	Vũ Văn Cường	Tân Lạc, Hòa Bình	2.229	22.290.000
28	Trần Đình Đại	Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định	49.450	494.500.000
29	Vũ Duy Đạo	Tổ 36 Quang Trung, Thành phố Thái Bình	1.466	14.660.000
30	Nguyễn Trí Diện	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	1.000	10.000.000
31	Nguyễn Thị Diệp	Tổ 6 Khu 4 Đông Triều, Quảng Ninh	1.912	19.120.000
32	Lê Văn Đình	TT Nhà máy VLCD, tổ 3, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	23.610	236.100.000
33	Nguyễn Đăng Doanh	Vũ Phúc, Thành phố Thái Bình, Thái Bình	1.000	10.000.000
34	Nguyễn Thị Đông	Tổ 10B Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	37.552	375.520.000
35	Hoàng Văn Dẫn	Tổ 37 phường Trần Lãm – Thành phố Thái Bình	3.101	31.010.000
36	Hoàng Thị Dung	Đông la, Hoài Đức, Hà Nội	15.770	157.700.000
37	Nguyễn Đại Dương	Phố Lu, Bảo Thắng, Lào Cai	30.798	307.980.000
38	Vũ Thùy Dương	Đông Lỗ, Hiệp Bắc Giang	1.885	18.850.000
39	Hoàng Anh Dương	Tổ 37 phường Trần Lãm – Thành phố Thái Bình	4.760	47.600.000
40	Chu Văn Đường	102 Lò Đức, Hà Nội	5.399	53.990.000
41	Đinh Văn Duy	Chí Hòa, Hưng Hà, Thái Bình	110.315	1.103.150.000
42	Nguyễn Hạnh Duyên		7.898	78.980.000
43	Trương Thị Ga	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	6.450	64.500.000
44	Nguyễn Văn Giá	An Bình, Kiến Xương, Thái Bình	13.085	130.850.000
45	Trần Thị Ngọc Giàu	416 Vành Đai, Bình Thủy, Cần thơ	26.266	262.660.000
46	Hồ Kim Hà	90/5/63 KP3, Tân Tiến, TP Biên Hòa, Đồng Nai	4.000	40.000.000
47	Lê Sơn Hà	Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	1.876	18.760.000
48	Đặng Thị Ngân Hà	105 Chi Lăng, Hải Dương	2.854	28.540.000
49	Phạm Thị Hà	5/123A Điện Biên Phủ, Hải Dương	4.993	49.930.000

50	Đinh Thị Thái Hà	13 Trần Thái Tông, Nam Định	2.150	21.500.000
51	Phạm Thu Hà	Thành phố Hải Phòng	223.080	2.230.800.000
52	Trần Thị Hồng Hà	8/162/130/11 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	1.530	15.300.000
53	Phạm Hồng Hải	Tổ 14 Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	916	9.160.000
54	Nguyễn Thị Hải	TT. Hương Sơn, Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	5.643	56.430.000
55	Nguyễn Tâm Hải	Bình Lục, Hà Nam	2.150	21.500.000
56	Trần Thị Hải	P315a, A13 Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	23.635	236.350.000
57	Võ Thanh Hải	Số 513, Tổ 15, Ấp Mỹ Nghĩa 1, Xã Mỹ Đức Tây, Cái Bè, Tiền Giang	1.000	10.000.000
58	Vũ Thị Hằng		112.443	1.124.430.000
59	Lê Thị Mỹ Hằng	40 Lê Quý Đôn, Thống Nhất, Nam Định	3.048	30.480.000
60	Nguyễn Thị Thu Hằng	Ứng Hòa, Hà Nội	4.060	40.600.000
61	Cao Thị Hồng Hạnh	TT vĩnh Trại, Lý Nhân, Hà Nam	990	9.900.000
62	Nguyễn Thị Hoài Hạnh	56/75 Lê Thanh Nghị, Hải Dương	21.263	212.630.000
63	Trần Thị Thúy Hạnh	Thủy Bằng, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	1.267	12.670.000
64	Cao Thị Mai Hiền	73 Trần Việt Châu, Ninh Kiều, TP .Cần Thơ	9.973	99.730.000
65	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Tổ 1, Trung Nhị, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	17.387	173.870.000
66	Đỗ Thị Thu Hiền	Tổ 1 Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1.580	15.800.000
67	Đinh Thị Hiếu	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	2.520	25.200.000
68	Phạm Thị Hồng Hoa	Thôn Tân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	10.000	100.000.000
69	Trịnh Phương Hoa	56 Ngọc Hà, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	8.232	82.320.000
70	Đặng Thị Kim Hoa	12/18/75 Trần Thái Tông, TP Nam Định	3.550	35.500.000
71	Đàm Thị Hoa	Nguyễn Hữu Tuệ, Gia Viên – Ngô Quyền , Hải Phòng	19.680	196.800.000
72	Nguyễn Thị Hoa	Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Thái Bình	20.300	203.000.000
73	Trương Thanh Hóa	An Bình, Kiến Xương, Thái Bình	25.956	259.560.000

74	Trần Thị Khánh Hòa		3.429	34.290.000
75	Trần Công Hòa	154 Phù Nghĩa, Nam Định	29.222	292.220.000
76	Phạm Thị Hoan	TT K612 Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	30.379	303.790.000
77	Nguyễn Thị Thu Hoàn	Khối 13, Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	21.596	215.960.000
78	Nguyễn Thị Hương Hôi	Quê Võ, Bắc Ninh	61.634	616.340.000
79	Chu Thị Hợi	Duy Phiên, Tam Dương, Vĩnh Phúc	1.190	11.900.000
80	Vũ Tài Hợi	Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh	48.888	488.880.000
81	Trần Hồng	485 Võ Thị Sáu, Long Xuyên, An Giang	3.629	36.290.000
82	Đỗ Như Hồng	Đề Thám, TP Thái Bình – Thái Bình	50.287	502.870.000
83	Trần Thị Bích Hợp	46 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	16.313	163.130.000
84	Nguyễn Thị Huệ	Lạch Tray, Đăng Giang – Ngô Quyền, Hải Phòng	17.568	175.680.000
85	Nguyễn Quốc Hùng	17 Ngõ Thống Nhất, Đại La, Hai Bà Trưng, Hà Nội	21.590	215.900.000
86	Khuất Đình Hùng	121 tổ 14 Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	7.353	73.530.000
87	Phạm Tuấn Hùng	41 ngõ 104 Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	16.498	164.980.000
88	Tổng Mạnh Hùng	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	21.500	215.000.000
89	Nguyễn Chí Hùng	Mỹ Tú, Sóc Trăng	683	6.830.000
90	Nguyễn Chí Hùng	Mỹ Tú, Sóc Trăng	915	9.150.000
91	Nguyễn Hoàng Hưng	Vĩnh Phúc, Liễu Giai, Hà Nội	6.640	66.400.000
92	Lê Thị Thu Hương	Thôn Lộc, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội	2.200	22.000.000
93	Đoàn Thị Thanh Hương	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	1.842	18.420.000
94	Ngô Thị Hương	Chí Hòa, Hưng Hà -Thái Bình	62.233	622.330.000
95	Đỗ Thị Thanh Hương	Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Thái Bình	4.060	40.600.000
96	Võ Thị Hường	64 Cô Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	21.500	215.000.000
97	Nguyễn Thị Hường	Cụm 11 – Xã Tân Hội, Huyện Đan Phượng, Hà Nội	282.975	2.829.750.000
98	Bạch Quang Huy	Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội	27.322	273.220.000
99	Đỗ Văn Huy	Thôn 84 Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội 0377156586	12.403	124.030.000

100	Vũ Thị Minh Huyền	Bắc Ninh	13.374	133.740.000
101	Phạm Văn Khẩn	Tây Đình, Minh Lý, Hoa Lư – Ninh Bình	22.513	225.130.000
102	Hoàng Văn Khiên	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	11.190	111.900.000
103	Nguyễn Thị Kiều	23A2, KDC 91B, Ninh Kiều, Cần Thơ	27.952	279.520.000
104	Nguyễn Văn Kính	Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội	5.054	50.540.000
105	Đỗ Hồng Kỳ	Các Đông, Thái Thượng – Thái Thụy – Thái Bình	1.038	10.380.000
106	Trần Xuân Lạc	921 Điện Biên, Lộc Hòa, TP Nam Định	5.695	56.950.000
107	Nguyễn Thị Hồng Lam	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	3.132	31.320.000
108	Đoàn Văn Lâm	75/7/tổ 7, Long Tuyền, Bình Thủy, Cần Thơ	8.071	80.710.000
109	Nguyễn Thị Ngọc Lan	663KV Bình Trung, Bình Thủy, Cần Thơ	27.238	272.380.000
110	Hoàng Thị Lan	An Hạ, An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	8.630	86.300.000
111	Trần Thị Lạng	Chi Lăng, Lạng Sơn	3.156	31.560.000
112	Nguyễn Thị Lê	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	8.456	84.560.000
113	Lê Thị Lịch	C4-45 Chu văn an, P26, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	500	5.000.000
114	Nguyễn Thị Kim Liên	15/470 Đường Láng, Láng Hạ, Hà Nội	15.900	159.000.000
115	Nguyễn Thị Liên	Quê Võ, Bắc Ninh	4.559	45.590.000
116	Lê Phương Liên	15 Thép mới, P12, Q. Tân Bình, TP.HCM	4.530	45.300.000
117	Nguyễn Thị Liên	Vũ Lạc, Tp Thái Bình, Thái Bình	2.619	26.190.000
118	Nguyễn Thị Liễu	Xóm 1, Thôn La Tinh, Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	500	5.000.000
119	Trần Thị Khánh Linh	Sơn Dương, Tuyên Quang	500	5.000.000
120	Lê Diệu Linh	37 tổ 43 Phương Liên, Hà Nội	21.500	215.000.000
121	Mai Thị Út Linh	311/36/9 Nguyễn Văn Cừ, Ninh Kiều, Cần Thơ	1.324	13.240.000
122	Bùi Thị Lơ	Bình Yên, Sơn Dương, Tuyên Quang	1.596	15.960.000
123	Bùi Thị Lơ	Đông Các, Đông Hưng, Thái Bình	56.332	563.320.000
124	Cán Thị Loan	Thôn 84 Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội 0377156586	11.110	111.100.000
125	Phó Thị Loan	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	9.500	95.000.000
126	Nguyễn Tuấn Long	26 Ngõ 2 Long Biên, Hà Nội	4.300	43.000.000

127	Nguyễn Thanh Long	910C.Cư, Nguyễn T Thuật, Nha Trang, Khánh Hòa	10.000	100.000.000
128	Phạm Thị Long	Đông Quan – Đông Hưng – Thái Bình	47.670	476.700.000
129	Lại Thị Lương	8 tổ 21 Phúc Tân, Hà Nội	100.888	1.008.880.000
130	Trần Thị Lương	3/100/20 Tây Sơn, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	25.667	256.670.000
131	Vũ Thị Luyện	TDP số 3 Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	9.709	97.090.000
132	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Mẽ Xá 1, Hưng Đạo, Đông Triều, Quảng Ninh	3.619	36.190.000
133	Ngô Kim Mai	116 Hoàn Quốc Việt, An Bình, Cà thơ	27.893	278.930.000
134	Đặng Thị Liên Mai	Số 219 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	68.200	682.000.000
135	Ngô Kim Mai	116 Hoàng Quốc Việt, An Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ	2.783	27.830.000
136	Mai Thị Mẫn	Tuyên Quang	1.000	10.000.000
137	Lê Văn Minh	Ngô Quyền, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	36.900	369.000.000
138	Dương Thị Minh	17/155/74/20 Trường Chinh, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	7.095	70.950.000
139	Phan Lê Minh	16 Thép mới, P12, Q. Tân Bình, TP.HCM	22.700	227.000.000
140	Chu Thị Mơ	Tổ 37, P.Trần Lãm, Tp.Thái Bình	10.778	107.780.000
141	Nguyễn Thị Mùi	15/46 Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	9.248	92.480.000
142	Trần Thị Mùi	89 Dãy D ô 19 Hạ Long, Nam Định	3.144	31.440.000
143	Đinh Xuân Nam	Xuân Thượng, Xuân Trường, Nam Định	5.036	50.360.000
144	Lê Thị Thanh Nga	142/285 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình	35.450	354.500.000
145	Vương Thị Thúy Nga	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	10.750	107.500.000
146	Nguyễn Thị Nga	23 Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	1.294	12.940.000
147	Nguyễn Hữu Nghị		6.042	60.420.000
148	Phạm Huy Nghị	13/184 đường 19/5 Trần Tế Xương, TP Nam Định	4.612	46.120.000
149	Phan Văn Nghị	Hùng Dũng, Hưng Hà, Thái Bình	2.257	22.570.000
150	Lê Thanh Ngọc	Đông Á – Đông Hưng – Thái Bình	50.455	504.550.000
151	Ngô Duy Ngừng	Mông Dương, Tp.Cẩm Phả, Quảng Ninh	2.672	26.720.000
152	Bùi Thị Nguyên	209 đường 30/4, Ninh Kiều, Cần Thơ	60.142	601.420.000

153	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Ninh Xá, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	3.366	33.660.000
154	Trần Thị Nhân	53 Bùi Đình Hòe, Nam Định	10.716	107.160.000
155	Đặng Văn Nhân	30/207 Trương Mỹ, Hải Dương	12.390	123.900.000
156	Nguyễn Thị Hồng Nhân	Tổ 4, P1, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng	2.146	21.460.000
157	Lâm Thị Hồng Nhiên	Phong Điền, TP. Cần Thơ	667	6.670.000
158	Đặng Thị Nhũ	Nam Hải, Tiên Hải, Thái Bình	3.800	38.000.000
159	Lương Thị Mỹ Nhung	Hà Nội	2.500	25.000.000
160	Nguyễn Thị Ninh	xã Xuân Phương, Phú Bình, tp Thái Nguyên	6.685	66.850.000
161	Lê Thị Kim Nụ	2 Ngõ 58 Tổ 1E Đường Láng, Hà Nội	3.603	36.030.000
162	Trịnh Thị Oanh	62/4B2 TT Bình Minh, Hải Dương	24.842	248.420.000
163	Nguyễn Ngọc Oanh	Nguyễn Trãi, Hải Dương	37.468	374.680.000
164	Trần Hoàng Oanh	27B1 Mậu Thân, Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	17.193	171.930.000
165	Huỳnh Thị Kiều Oanh	40/7B Tổ 18, Kv6, Bình Thủy, TP Cần Thơ	724	7.240.000
166	Bùi Thị Kim Oanh	1/162 Vĩnh Mạc, Lộc Vượng, Nam Định	6.450	64.500.000
167	Nguyễn Thị Oanh	Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng	12.777	127.770.000
168	Nguyễn Thị Oanh	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	45.894	458.940.000
169	Nguyễn Hồng Phú	Tuyên Quang	1.200	12.000.000
170	Trần Thị Phúc	40/11 tổ 32 Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	18.209	182.090.000
171	Vũ Văn Phương	Mẽ Xá 1, Hưng Đạo, Đông Triều, Quảng Ninh	6.025	60.250.000
172	Trần Khiêm Phương	số 4 đường 7, KDC Metro, Ninh Kiều, Cần Thơ	11.280	112.800.000
173	Vũ Văn Phương	Nam Hà, Tiên Hải, Thái Bình	2.030	20.300.000
174	Nguyễn Thị Bích Phượng	Gò Quao, Kiên Giang	1.751	17.510.000
175	Nguyễn Thị Phượng	Đông Mỹ, Thành phố Thái Bình – Thái Bình	3.706	37.060.000
176	Phạm Thị Phượng	P.Hoàng Diệu – Tp Thái Bình – Thái Bình	1.000	10.000.000
177	Nguyễn Tiến Quân	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	646	6.460.000

178	Kiều Minh Quang	2/140 Nguyễn Xiển, Thanh Xuân, Hà Nội	6.562	65.620.000
179	Phạm Minh Quang	Vũ Đoài – Vũ Thư – Thái Bình	38.618	386.180.000
180	Đặng Thị Ruyên	Hoa Lư, Đông Hưng, Thái Bình	69.020	690.200.000
181	Phạm Ánh Sao	274 Lê Thanh Nghị, Hải Dương	3.492	34.920.000
182	Nguyễn Đình Sinh	Đông Triều, Quảng Ninh	31.822	318.220.000
183	Lê Vũ Sinh	Đông Hoàn, Đông Sơn, Thanh Hóa	11.743	117.430.000
184	Nguyễn Ngọc Sơn	P44-C2 TT Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội 0904353589	5.000	50.000.000
185	Nguyễn Trọng Sơn	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	6.450	64.500.000
186	Nguyễn Duy Sơn	Đội 3, Long Phú, Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	1.136	11.360.000
187	Ngô Xuân Sơn	31 Mậu Thân. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	4.940	49.400.000
188	Cao Thị Kim Sơn	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	76.117	761.170.000
189	Hoàng Ngọc Sự	Ngõ 39 đường Lương Văn Thắng, P.Đông Thành, Tp.NB	5.475	54.750.000
190	Vũ Thị Sy	Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình	8.120	81.200.000
191	Trần Thế Tài	Mễ Xá 2, Hưng Đạo, Đông Triều, Quảng Ninh	6.042	60.420.000
192	Hoàng Thanh Tâm	11 hẻm 26/15 Ngõ Thái Thịnh 2, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	3.860	38.600.000
193	Ngô Khắc Tân	Hiền Nam, Thị xã Hưng Yên – Hưng Yên	25.695	256.950.000
194	Lê Thị Thắm	TT Thiên Tôn, H.Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	10.608	106.080.000
195	Đặng Đình Thắng	tổ 21 Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	5.560	55.600.000
196	Ngô Trung Thắng	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội -0865289392	29.634	296.340.000
197	Đỗ Thị Thanh	Hà Nội	36.550	365.500.000
198	Huỳnh Thị Thanh	Thanh Hóa	16.119	161.190.000
199	Đoàn Việt Thanh	Tổ 3 Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	17.200	172.000.000
200	Nguyễn Thị Thành	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	13.062	130.620.000
201	Dương Thị Thành	Xã Úc Kỳ, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên	4.540	45.400.000
202	Đỗ Minh Thành	Trần Lâm, Thành Phố Thái Bình, Thái Bình	47.566	475.660.000
203	Ngô Thị Phương Thảo	Trung Sơn Trầm, TX Sơn Tây, Hà Nội	4.815	48.150.000
204	Lê Thị Bích Thảo	71/8c Trần Phú, Ninh Kiều, Cần Thơ	8.603	86.030.000



205	Đặng Mạnh Thảo	Phố Mười, P. Đông Thành, Tp. Ninh Bình	3.453	34.530.000
206	Hồ Sỹ Thạo	P10A, 116A Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	11.317	113.170.000
207	Đoàn Thị Thịnh	9/135 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Hà Nội	2.763	27.630.000
208	Nguyễn Thị Kim Tho	P10A, 116A Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	11.717	117.170.000
209	Trần Thị Thư	193/1 Lê Quang Định, Thắng Nhất, Vũng Tàu	21.500	215.000.000
210	Nguyễn Thị Thuận	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	20.000	200.000.000
211	Lê Thị Thường	1501-47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội	9.840	98.400.000
212	Cao Thị Thúy	57 Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	8.200	82.000.000
213	Phạm Văn Thúy	TT Hưng Hà, Hưng Hà, Thái Bình	1.638	16.380.000
214	Lê Hồng Thùy	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	3.226	32.260.000
215	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội 0912124863	21.500	215.000.000
216	Phạm Thị Thủy	Năm Căn, Cà Mau	8.532	85.320.000
217	Nguyễn Thị Thủy	Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội	930	9.300.000
218	Lê Văn Tiếp	Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên	46.128	461.280.000
219	Nguyễn Văn Tĩnh	739 Lạc Long Quân, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	4.816	48.160.000
220	Trần Thị Tơ	Tổ 16 Trung Hòa, Hà Nội	9.133	91.330.000
221	Nguyễn Thùy Trang	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	8.607	86.070.000
222	Nguyễn Thị Trang	216/8 đường 30/4, Ninh Kiều, Cần Thơ	51.377	513.770.000
223	Lê Xuân Triêm	Tăng Thành, Yên Thành, Nghệ An 0912000902	2.104	21.040.000
224	Cao Văn Trung	Cần Thơ	894	8.940.000
225	Đoàn Việt Trường	67/56 Nguyễn Thông, Bình Thủy, TP.Cần Thơ	1.584	15.840.000
226	Trần Xuân Trường	9 Trần Kỳ, Sao La, Cửa Bắc, Nam Định	4.300	43.000.000
227	Nguyễn Văn Trường	Nam Hưng, Tiền Hải, Thái Bình	21.344	213.440.000
228	Đinh Văn Trọng	P.Hoàng Diệu, Tp.Thái Bình, Thái Bình	20.967	209.670.000
229	Tổng Anh Tuấn	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	21.500	215.000.000
230	Hồ Tuấn	7/5/105 Lưu Hữu Phước, Thành phố Nam Định, Nam Định	32.806	328.060.000
231	Hoàng Thị Minh Tuất	921 Điện Biên, Lộc Hòa, TP Nam Định	23.800	238.000.000

232	Nguyễn Mạnh Tuất	Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội	3.518	35.180.000
233	Nguyễn Văn Tùng	Quảng Ninh	36.067	360.670.000
234	Phạm Thanh Tùng	TDP số 5 Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	24.000	240.000.000
235	Nguyễn Thị Tươi	15/102 Tô Vĩnh Diện, Thanh Xuân, Hà Nội	15.557	155.570.000
236	Nguyễn Kim Tuyền	Phố Ngụ, Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh	3.053	30.530.000
237	Vũ Thanh Tuyền	663KV Bình Trung, Bình Thủy, Cần Thơ	5.442	54.420.000
238	Phạm Thị Tuyết	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội 0903416966	2.270	22.700.000
239	Trần Thị Tuyết	Tiếng Thắng, Lý Nhân, Hà Nam	8.129	81.290.000
240	Ngô Thị Ước	Quê Võ, Bắc Ninh	11.695	116.950.000
241	Nguyễn Thị Vân	C4-45 Chu văn an, P26, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	500	5.000.000
242	Nguyễn Thị Hồng Vân	T2E361 phường Vĩnh Tuy, Hà Nội 0912004955	2.668	26.680.000
243	Nguyễn Thị Khánh Vân	141/23A đường 30/4, Ninh Kiều, Cần Thơ	952	9.520.000
244	Nguyễn Thị Vân	17 Ngõ 2, tổ 37 A Khương Trung, Hà Nội	53.793	537.930.000
245	Trần Quang Vinh	Tô 48 An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng	1.000	10.000.000
246	Lại Thị Xuân	Hà Nội	2.500	25.000.000
247	Nguyễn Thị Xuyên	Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Thái Bình	10.000	100.000.000
248	Ngô Hồng Yên	27B1 Mậu Thân, Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	17.216	172.160.000
249	Trần Kim Phụng	72/68 Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Hà Nội	137.950	1.379.500.000
250	Trần Thị Kim Loan	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	37.718	377.180.000
Tổng:			4.271.060	42.710.600.000